

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÁC ÁI
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 13-6-2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁC ÁI, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Hữu Pha.

Bà Ca Dá Thị Linh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Quý - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Ông Thành Chế Trọng Triết - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXX-ST ngày 28 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Thanh T, sinh năm 1997. (Có mặt)

Địa chỉ: thôn H, xã P, huyện B, tỉnh Ninh Thuận.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1980. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/3/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đỗ Thị Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh V chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P vào tháng 3/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống chung nhà với cha mẹ chồng tại thôn B, xã P, huyện B. Thời gian đầu, cuộc sống vợ chồng tương đối hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng cãi vã, anh V có tính gia trưởng nhiều lần đánh đập vợ. Sự việc xảy ra gia đình đã hòa giải nhưng không thành. Khoảng tháng 3/2025 đến nay, vợ chồng

không còn sống chung, bỏ mặc mạnh ai nấy sống, không quan tâm gì đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không có, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị và anh V có 02 (hai) người con chung là cháu Nguyễn Kế Phúc N, sinh ngày 09/12/2018 và cháu Nguyễn Kế Phúc H, sinh ngày 28/12/2020. Các con đang sống chung với anh V, ở chung nhà với ông bà nội và đang đi học tại xã P, huyện B.

Hiện nay, chị T làm nghề tự do, thu nhập không ổn định. Khi ly hôn, chị T đồng ý giao cháu N và cháu H cho anh V được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Chị T không cấp dưỡng nuôi các con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn V: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, triệu tập anh V đến giải quyết ly hôn và nuôi con với chị T, nhưng anh V vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được.

Ngày 11/6/2025, anh V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và tại bản tự khai của anh trình bày: Anh và chị T1 chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P vào tháng 3/2019. Cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do cãi vã. Nay hạnh phúc gia đình không có, mâu thuẫn đã trầm trọng nên anh V cũng đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Có 02 (hai) người con chung là cháu Nguyễn Kế Phúc N, sinh ngày 09/12/2018 và cháu Nguyễn Kế Phúc H, sinh ngày 28/12/2020. Các con đang sống chung với anh V. Hiện nay, anh V làm nghề nông, thu nhập đảm bảo được cuộc sống và sự phát triển của các con. Khi ly hôn, anh V đồng ý được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N và cháu H, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi các con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, cụ thể như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, nhiều lần vắng mặt theo giấy báo triệu tập của Tòa án. Nay bị đơn đã làm đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn cư trú tại xã P, huyện B, tỉnh Ninh Thuận. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bác Ái.

Hôn nhân giữa chị T và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T được ly hôn với anh V.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Kế Phúc N, sinh ngày 09/12/2018 và cháu Nguyễn Kế Phúc H, sinh ngày 28/12/2020 cho anh V được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi các con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp trực tuyến theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 5 ngày 20/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bác Ái.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với anh V. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại xã P, huyện B, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận.

Bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh V chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P vào ngày 06/3/2019 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng tương đối hạnh phúc, về sau do bất đồng quan điểm, vợ chồng cãi vã nên mâu thuẫn gia đình xảy ra và ngày càng trầm trọng.

Sự việc đã được gia đình hòa giải nhưng không thành. Khoảng tháng 3/2025 cho đến nay, vợ chồng không còn sống chung, bỏ mặc mạnh ai nấy sống, không quan tâm gì đến nhau.

Qua xác minh tại địa phương cho thấy: Mâu thuẫn giữa chị T và anh V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là có cơ sở, phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình và phù hợp với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát, nên yêu cầu ly hôn của chị T được Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2. Về con chung: Có 02 (hai) người con chung là cháu Nguyễn Kế Phúc N, sinh ngày 09/12/2018 và cháu Nguyễn Kế Phúc H, sinh ngày 28/12/2020. Các con đang sống với anh V và đang đi học tại xã P. Khi ly hôn, chị T đồng ý giao cháu N và cháu H cho anh V được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay, chị T làm nghề tự do, thu nhập không ổn định; Anh V làm nghề nông, thu nhập đảm bảo được cuộc sống và sự phát triển của các con. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận giao cháu N và cháu H cho anh V được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh V không có yêu cầu.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị Thanh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Thanh T được ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Kế Phúc N, sinh ngày 09/12/2018 và cháu Nguyễn Kế Phúc H, sinh ngày 28/12/2020 cho anh Nguyễn Văn V được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Đỗ Thị Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị Thanh T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp trực tuyến theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 5 ngày 20/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bác Ái. Chị Đỗ Thị Thanh T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bác Ái;
- Chi cục THADS huyện Bác Ái;
- UBND xã Phước Bình;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Kim Đồng